TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐẮK NÔNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 53/2023/DS-PT
Ngày 27/7/2023

Về việc:"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Anh Ửng.

Các Thẩm phán: Ông Lê Văn Hữu và ông Nguyễn Hồng Chương.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trừ Minh Quốc – Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Đắk Nông.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tám - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 33/2023/TLPT-DS ngày 14 tháng 6 năm 2023 về việc "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*". Do bản án dân sự sơ thẩm số: 04/2023/DS-ST ngày 21/4/2023 của Tòa án nhân dân huyện Đắk Glong, tỉnh Đắk Nông bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 43/2023/QĐ-PT ngày 22 tháng 6 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Đặng Văn Th, địa chỉ: Số 103/1, ấp G, xã G, huyện T, tỉnh Bến Tre – Có mặt.

Người đại diện theo uỷ quyền: Anh Phạm Quốc H, địa chỉ: Công ty TNHH H, đường 23-3, tổ 1, phường N, thành phố G, tỉnh Đắk Nông – Có mặt.

- Bị đơn: Anh Đào Hữu Tr, địa chỉ: Số 55/7, ấp T, xã M, huyện T, tỉnh Bến Tre, tạm trú: Bon K, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông – Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người đại diện theo uỷ quyền: + Ông Nguyễn Thế Cao T, địa chỉ: số 274/52/7, N, phường 17, quận G, thành phố Hồ Chí Minh– Có mặt.

+ Ông Nguyễn Bá T1, địa chỉ: Tổ dân phố 3, phường N, thành phố G, tỉnh Đắk Nông.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Ông Vũ Thành T2, Luật sư Văn phòng Luật sư C, đoàn LS thành phố Hồ Chí Minh – Có mặt.

Chị Trần Võ Nhật A, địa chỉ: Ấp T, thị trấn T, huyện T, tỉnh Bến Tre – Vắng mặt.

Người đại diện theo uỷ quyền của chị A: + Ông Nguyễn Bá T1, địa chỉ: Tổ dân phố 3, phường N, thành phố G, tỉnh Đắk Nông– Có mặt.

+ Anh Nguyễn Như T3, địa chỉ: Căn 6.53, Toà nhà R, số 151-155 B, phường 6, quận 4, thành phố Hồ Chí Minh – Vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Chị Bùi Thị Kim T4, địa chỉ: Số 103/1, ấp G, xã G, huyện T, tỉnh Bến Tre - Vắng mặt

Do có kháng cáo của anh Đào Hữu Tr – là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn, người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn trình bày:

Đầu năm 2021, do có mối quan hệ quen biết nên anh Đào Hữu Tr và chị Trần Võ Nhật A nhiều lần liên hệ anh Đặng Văn Th vay tiền đầu tư mua đất, tổng số tiền vay là 9.961.000.000 đồng, cụ thể các lần vay tiền như sau:

+ Ngày 11-3-2021 anh Tr vay số tiền 1.611.000.000 đồng, lãi suất hai bên thoả thuận theo quy định của pháp luật, thời hạn vay từ 02 đến 04 tháng, kể từ ngày vay tiền. Các bên có lập hợp đồng viết tay, không có công chứng, chứng thực, có chị Trần Thị D chứng kiến nhưng không ký vào giấy vay tiền, giao nhận tiền tại nhà chị D, giấy vay có chữ ký của anh Tr;

+ Ngày 12-3-2021 anh Tr vay số tiền là 2.150.000.000 đồng, lãi suất hai bên thoả thuận theo quy định của pháp luật, thời hạn vay từ 02 đến 04 tháng, kể từ ngày vay. Các bên lập hợp đồng viết tay, không công chứng, chứng thực, giao nhận tiền tại nhà anh Th, có chữ ký của anh Tr.

Đối với thời hạn trả nợ của 02 khoản vay này, hai bên chỉ thoả thuận miệng trả nợ trong thời hạn 02 - 04 tháng nhưng không ghi vào trong giấy vay.

+ Ngày 04-6-2021 anh Tr vay số tiền 6.200.000.000 đồng, thời hạn vay là 02 tháng, kể từ ngày 04-6-2021 đến ngày 04-8-2021, lãi suất hai bên thoả thuận theo quy định của pháp luật. Được công chứng tại Văn phòng Công chứng T, huyện T, tỉnh Bến Tre, trong đó anh Th giao cho anh Tr số tiền mặt 4.300.000.000 đồng tại quán nước bên ngoài Văn phòng Công chứng T, khi giao tiền anh Th có sử dụng điện thoại chụp hình số tiền bàn giao cho anh Tr, (trong đó chị D mang số tiền 2.500.000.000 đồng đến cho anh Th và nghe anh Th thông báo về việc giao số tiền trên cho anh Tr), kèm theo bản ảnh các cọc tiền bàn giao ngày 04-6-2021, ngày 10-6-2021 anh Th chuyển khoản qua số tài

khoản 7105205107295 cho anh Tr, chị An số tiền 800.000.000 đồng (chuyển 3 lần, trong đó có 01 lần số tiền 200.000.000 đồng, lần hai và lần 3 mỗi lần chuyển số tiền 300.000.000 đồng) và anh Th nhờ chị Nguyễn Thị M chuyển vào tài khoản cho anh Tr số tiền 1.100.000.000 đồng.

Đến thời hạn trả gốc và lãi theo thoả thuận, mặc dù anh Th đã nhiều lần yêu cầu anh Tr, chị A thực hiện nghĩa vụ trả nợ, tuy nhiên anh Tr, chị A không Th toán, do anh Tr, chị A không thực hiện nghĩa vụ trả nợ, nên anh Th khởi kiện, yêu cầu Toà án nhân dân huyện Đắk Glong buộc anh Đào Hữu Tr, chị Trần Võ Nhật A phải trả số **tiền gốc đã vay là 9.961.000.000 đồng**. Đồng thời, trả lãi đối với khoản vay ngày 11-3-2021 với số tiền nợ gốc 1.611.000.000 đồng và ngày 12-3-2021 với số tiền nợ gốc 2.150.000.000 đồng với mức lãi suất 20%/năm, kể từ ngày vay đến ngày trả.

Ngày 23-12-2022, nguyên đơn có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện, cụ thể: Nguyên đơn xin rút đối với yêu cầu đề nghị Toà án buộc bị đơn phải trả số tiền gốc đã vay ngày 04-6-2021 là 6.200.000.000 đồng và khoản tiền lãi phát sinh, giữ nguyên yêu cầu buộc bị đơn trả số tiền **3.761.000.000đ** của hai khoản vay ngày 11 và 12 tháng 3 năm 2021 và lãi suất theo quy định 10%/năm của hai khoản vay là 792.346.944 đồng, tổng số tiền là **4.553.346.944 đồng** (làm tròn 4.553.347.000đ) và trả lãi phát sinh theo quy định cho đến khi trả hết khoản nợ vay.

Người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn trình bày:

Ngày 11-3-2021, anh Tr vay tiền mặt của anh Th số tiền 1.611.000.000 đồng để Th toán một phần nợ ở Ngân hàng HD Bank, có ghi giấy biên nhận tiền, đồng thời tại Ngân hàng HD Bank anh Th giao thêm số tiền mặt cho anh Tr là 550.000.000 đồng.

Ngày 12-3-2021, anh Tr vay thêm của anh Th số tiền mặt 1.600.000.000 đồng, có ghi giấy biên nhận tiền, số tiền này được chị D (em anh Th) giao trực tiếp tại nhà anh Th để nộp vào tài khoản của anh Tr, số tài khoản 7105205107295 tại ngân hàng nông nghiệp (Agribank). Sau đó, anh Th lấy lý do giấy biên nhận ngày 12-3-2021 bị mất nên yêu cầu anh Tr viết lại giấy biên nhận khác đề ngày 12-3-2021, số tiền trong giấy biên nhận là 2.150.000.000 đồng (bao gồm hai khoản tiền là 550.000.000 đồng anh Tr nhận từ anh Th tại Ngân hàng HD Bank và 1.611.000.000 đồng anh Tr vay của anh Th). Hai bên thoả thuận, lãi suất của khoản tiền vay là 06%/tháng.

Ngày 11-5-2021, anh Tr Th toán hết số tiền vay ở HD Bank nên đã lấy lại được 06 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại Bến Tre mà anh Tr đã thế chấp gồm các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất gồm: CL 813539; BM 938571; CL 813538; BX 253419; BM 938569 và BM 938570, sau đó anh

Tr đã giao 06 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên cho anh Th để đảm bảo cho khoản vay, khi giao không lập văn bản giao nhận.

Ngày 18-5-2021, do dịch bệnh Covid – 19 phức tạp, nên anh Tr không thể thực hiện theo đúng thoả thuận và mong muốn lấy lại 03 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất để thế chấp vào Ngân hàng thương mại cổ phần A (AB Bank) nhằm mục đích vay vốn, sau khi anh Th trả lại 03 giấy chứng nhận, anh Th yêu cầu anh Tr phải viết thêm "biên nhận vay tiền" đề ngày 18-5-2021; số tiền trong giấy biên nhận là 1.600.000.000 đồng, thực tế anh Tr không nhận khoản tiền này và nó có giá trị tương đương 03 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà anh Tr muốn lấy lại, anh Tr vẫn đang giữ 03 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất còn lại của anh Th là BM 938571; BM 938569 và BM 938570. Tất cả các giấy vay tiền nêu trên được lập 01 bản và do anh Th giữ.

Ngày 04-6-2021, do cần tiền nên anh Tr đề nghị anh Th trả lại 03 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để thế chấp, vay tiền tại AB Bank, anh Th yêu cầu anh Tr và chị An phải ký có công chứng "hợp đồng vay tiền", số tiền ghi trong hợp đồng là 6.200.000.000 đồng, thì mới đồng ý trả lại 03 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, số tiền này được tính dựa trên số tiền thực tế anh Tr đã nhận là 3.761.000.000 đồng, cộng với khoản lãi suất do anh Th tự tính, ý nghĩa của hợp đồng vay này là để đảm bảo hơn việc Th toán nợ của anh Tr, thực chất anh Tr không nhận được số tiền này, đồng thời không phát sinh thêm khoản vay nào mới.

Như vậy, thực tế anh Tr và chị A nhận tổng cộng của anh Th số tiền là 3.761.000.000 đồng, vì vậy, anh Tr, chị A đồng ý trả số tiền nêu trên và khoản tiền lãi theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên theo biên nhận vay tiền thì hai bên không có thoả thuận về thời hạn vay, anh Th chưa có thông báo bằng văn bản hay bằng miệng yêu cầu anh Tr trả tiền, do đó căn cứ vào khoản 2 Điều 469 của Bộ luật Dân sự thì nghĩa vụ trả lại khoản tiền vay của anh Tr vẫn chưa phát sinh, đối với khoản vay ngày 04-6-2021 là không có thực, vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn thừa nhận đã nhận được thông báo trả nợ vay của nguyên đơn, yêu cầu bị đơn trả số tiền 9.961.000.000 đồng, đồng thời không đồng ý với việc nguyên đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với hợp đồng vay ngày 04-6-2021 trên số tiền 6.200.000.000 đồng, đề nghị Toà án xem xét, giải quyết toàn bộ nội dung vụ án. Tại phiên toà, người đại diện theo uỷ quyền của anh Tr là ông Th2 thay đổi ý kiến, cụ thể thừa nhận khoản vay ngày 11 và 12-3-2021, tổng số tiền vay là 3.761.000.000 đồng, tuy nhiên đây là khoản vay không kỳ hạn và không lãi, anh Th chưa thông báo cho anh Tr thời gian hợp lý nên anh Tr chưa có nghĩa vụ trả nợ, không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn; đối với việc nguyên đơn rút yêu cầu đối với khoản vay ngày

04-6-2021 và lãi phát sinh, bị đơn không có ý kiến gì, đề nghị HĐXX giải quyết theo quy định.

Đại diện theo uỷ quyền của bị đơn chị Trần Võ Nhật A là anh Nguyễn Như T3 trình bày: Chị A xác nhận, chồng chị là anh Đào Hữu Tr có vay của anh Đặng Văn Th số tiền 3.761.000.000 đồng, theo giấy biên nhận ngày 11-3-2021 và ngày 12-3-2021; đối với hợp đồng vay ngày 04-6-2021 là hợp đồng để cộng lại số tiền mà chị An, anh Tr đã vay ngày 11 và 12-3-2021 và tiền lãi suất do anh Th yêu cầu; đối với khoản vay ngày 11 và 12-3-2021, do đây là hợp đồng không xác định thời hạn, nên anh Tr, chị A chưa phát sinh nghĩa vụ trả nợ, đối với khoản vay ngày 04-6-2021 là không có thật nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, chị Bùi Thị Kim Th1 trình bày: Đầu năm 2021, anh Đào Hữu Tr và chị Trần Võ Nhật A có liên hệ gia đình chị vay tiền để mua đất, do mối quan hệ quen biết nên anh Đặng Văn Th cho vợ chồng anh Tr, chị An vay tổng số tiền là 9.961.000.000 đồng, trong đó, ngày 11-3-2021, anh Tr, chị A vay số tiền 1.611.000.000 đồng; ngày 12-3-2021, anh Tr, chị An vay số tiền 2.150.000.000 đồng, lãi suất hai bên thoả thuận lãi theo quy định của pháp luật, thời hạn vay 02 tháng; ngày 04-6-2021, anh Tr, chị A vay số tiền 6.200.000.000 đồng, thời hạn vay 02 tháng, lãi hai bên thoả thuận theo quy định của pháp luật, tiền lãi anh Tr phải trả hàng tháng (theo hợp đồng công chứng số 1686, quyển số 01 tại Văn phòng công chứng T, địa chỉ: Số 36/4, ấp T, thị trấn T, huyện T, tỉnh Bến Tre). Trong 03 khoản vay tiền nêu trên, chị Thi trực tiếp giao cho anh Tr số tiền 2.150.000.000 đồng (có làm giấy biên nhận), hai khoản vay còn lại chị Th1 không trực tiếp tham gia hoặc chứng kiến, chị Th1 được anh Tr thông báo, các khoản vay tiền có thời hạn 02 tháng sau sẽ trả.

Do anh Tr, chị A không thực hiện trả nợ đúng hạn, anh Th đã nhiều lần liên hệ yêu cầu anh Tr, chị A trả tiền nhưng anh Tr, chị A cố tình trốn tránh, vì vậy, anh Th khởi kiện, yêu cầu Toà buộc anh Tr, chị A phải trả số tiền gốc là 9.961.000.000 đồng và lãi suất theo quy định của pháp luật.

Những người làm chứng: - Chị Trần Thị D (Trần Thị Hồng D) trình bày: Việc vay tiền giữa anh Th và anh Tr như thế nào, chị D không rõ, tuy nhiên ngày 04-6-2021 anh Th có gọi điện hỏi mượn tiền chị D và nhờ chị D đem số tiền 2.500.000.000 đồng đến Văn phòng Công chứng T giao cho anh Th, chị D đã giao tiền cho anh Th và anh Tr cũng có mặt, chị không chứng kiến việc anh Th giao tiền cho anh Tr, chị nghe anh Th nói có cho anh Tr vay số tiền 4.300.000.000 đồng.

- *Chị Nguyễn Thị M trình bày:* Hiện tại chị Mai đang là nhân viên của cửa hàng Viettel T, tỉnh Bến Tre, ngày 10-6-2021 anh Th có đến cửa hàng Viettel Tđể thực hiện giao dịch chuyển tiền, anh Th giao số tiền 1,1 tỷ đồng và nhờ chị thực hiện giao dịch chuyển tiền trên hệ thống Viettel Pay (hiện nay được nâng cấp thành Viettel Proney), anh Th nhờ chuyển số tiền trên vào tài khoản của

người có tên Đào Hữu Tr, số tài khoản mở tại ngân hàng Agribank 7105205107295, chị M không hỏi anh Th mục đích chuyển tiền; sau khi thực hiện xong hệ thống báo giao dịch thành công (tức anh Tr đã nhận được số tiền 1,1 tỷ đồng).

- *Anh Nguyễn Văn M trình bày:* Hợp đồng vay tiền ngày 04-6-2021 giữa anh Th và anh Tr, chị A được lập tại Văn phòng Công chứng T, công chứng viên có chứng thực hợp đồng và chứng kiến việc các bên ký kết hợp đồng; anh M không chứng kiến việc giao nhận tiền tại Văn phòng công chứng, do pháp luật không quy định công chứng viên phải chứng kiến việc giao nhận tiền, chỉ xác nhận các bên chỉ ký kết hợp đồng nên hợp đồng vẫn có hiệu lực pháp luật.

Tại bản án số: 04/2023/DS-ST ngày 21/4/2023 của Tòa án nhân dân huyện Đắk Glong, tỉnh Đắk Nông đã tuyên xử:

"Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Đặng Văn Th đối với anh Đào Hữu Tr và chị Trần Võ Nhật A, về việc yêu cầu anh Đào Hữu Tr và chị Trần Võ Nhật A phải hoàn trả số tiền gốc đã vay ngày 11-3-2021 là 1.611.000.000đ (một tỷ sáu trăm mười một triệu đồng) và số tiền gốc đã vay ngày 12-3-2021 là 2.150.000.000đ (hai tỷ một trăm năm mươi triệu đồng), tổng số tiền là 3.761.000.000đ (ba tỷ bảy trăm sáu mươi mốt triệu đồng) và tiền lãi suất theo quy định của pháp luật là 792.346.944 đồng. Tổng số tiền (làm tròn) là 4.553.347.000đ (bốn tỷ năm trăm năm mươi ba triệu ba trăm bốn mươi bảy nghìn đồng).

Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với hợp đồng vay tiền ngày 04-6-2021 với số tiền 6.200.000.000đ (sáu tỷ hai trăm triệu đồng) và tiền lãi suất phát sinh. Nguyên đơn có quyền khởi kiện đối với yêu cầu đã rút bằng một vụ án khác theo quy định của pháp luật".

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về lãi suất chậm trả, chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 28/4/2023 bị đơn anh Đào Hữu Tr kháng cáo đề nghị cấp phúc thẩm xem xét lại toàn bộ bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Đắk Glong.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện theo ủy quyền của bị đơn xin rút một phần yêu cầu kháng cáo đối với số tiền gốc và đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ một phần yêu cầu kháng cáo này. Đối với phần lãi suất thì tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn đồng ý giảm một phần lãi suất cho bị đơn. Cụ thể: Giảm số tiền 92.346.944 đồng lãi suất, chỉ yêu cầu bị đơn trả 700.000.000 đồng tiền lãi suất. Bị đơn thống nhất với yêu cầu của nguyên đơn và đề nghị Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn đồng ý chịu toàn bộ số tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông phát biểu ý kiến: Người tham gia tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự tại Toà án cấp phúc thẩm.

Về nội dung: Xét thấy việc rút một phần yêu cầu kháng cáo của đại diện theo ủy quyền của bị đơn là hoàn toàn tự nguyện và đề nghị HĐXX đình chỉ một phần kháng cáo. Về sự thỏa thuận của nguyên đơn và bị đơn tại phiên tòa về khoản tiền lãi suất phải trả là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật và đạo đức xã hội. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 300, khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, sửa bản án sơ thẩm, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của anh Đào Hữu Tr kháng cáo trong hạn luật định, đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm là hợp lệ.

[2]. Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện theo ủy quyền của bị đơn xin rút một phần yêu cầu kháng cáo về việc đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét đối với số tiền nợ gốc là 3.761.000.000 đồng. Xét thấy việc rút một phần yêu cầu kháng cáo của bị đơn là hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc. Do đó, căn cứ vào điểm c khoản 1, khoản 3 Điều 289 của Bộ luật tố tụng dân sự, đình chỉ xét xử một phần kháng cáo đối với số tiền gốc của bị đơn. Bản án dân sự sơ thẩm số: 04/2023/DS-ST ngày 21/4/2023 của Tòa án nhân dân huyện Đắk Glong tuyên về số tiền nợ gốc có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án phúc thẩm.

[3]. Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn đồng ý giảm một phần lãi suất cho bị đơn. Cụ thể: Giảm số tiền 92.346.944 đồng lãi suất, chỉ yêu cầu bị đơn trả số tiền gốc như Bản án sơ thẩm đã tuyên và số tiền 700.000.000 đồng lãi suất. Bị đơn thống nhất với yêu cầu của nguyên đơn và đề nghị Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận của các đương sự. Ngoài ra nguyên đơn không có yêu cầu nào khác. Xét thấy, việc thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 300, khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, sửa một phần bản án sơ thẩm, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự về số tiền nợ lãi nêu trên.

[4]. Xét quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát và ý kiến của những người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự tại phiên tòa là phù hợp, Hội đồng xét xử cần chấp nhận.

[5]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Tại phiên tòa, bị đơn đồng ý chịu toàn bộ số tiền án phí dân sự sơ thẩm. Do vậy, cần buộc anh Nguyễn Hữu Tr và chị Trần Võ Nhật An phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

[6]. Về án phí dân sự phúc thẩm: Anh Đào Hữu Tr phải chịu án phí dân sự phúcthẩm theo quy định và được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đá nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm c khoản 1, khoản 3 Điều 289, Điều 300, khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với phần kháng của của anh Đào Hữu Tr đối với số tiền gốc là 3.761.000.000đ *(ba tỷ bảy trăm sáu mươi mốt triệu đồng).*

2. Sửa một phần bản án sơ thẩm số: 09/2022/DS-ST ngày 09/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện Đắk Glong, tỉnh Đăk Nông, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự, cụ thể như sau:

Nguyên đơn anh Đặng Văn Th đồng ý giảm một phần lãi suất cho bị đơn với số tiền 92.346.944 đồng. Số tiền lãi suất còn lại buộc bị đơn phải trả là 700.000.000 đồng *(Bảy trăm triệu đồng)*.

Kể từ ngày anh Đặng Văn Th có đơn yêu cầu thi hành án tương ứng với số tiền nêu trên, nếu anh Đào Hữu Tr, chị Trần Võ Nhật A không trả thì còn phải trả lãi tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

3. Về án phí:

3.1. Án phí dân sự sơ thẩm: Anh Đào Hữu Tr và chị Trần Võ Nhật A phải chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 112.553.347 đồng *(một trăm mười hai triệu năm trăm năm mươi ba nghìn ba trăm bốn mươi bảy đồng)* tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

Hoàn trả cho anh Đặng Văn Th số tiền tạm ứng án phí 59.135.000đ (*năm mươi chín triệu một trăm ba mươi lăm nghìn đồng*) đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0004102, ngày 20 tháng 01 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

3.2. Án phí dân sự phúc thẩm: Anh Đào Hữu Tr phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu 0004476 ngày 17/5/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Đăk Nông.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo kháng nghị có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh Đăk Nông;
- TAND huyện Đắk Glong;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- Các đương sự;
- Tổ Hành chính tư pháp;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu Tòa dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký, đóng dấu)

Nguyễn Anh Ửng